

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2020/DS-PT

Ngày 11 - 8 - 2020

V/v tranh chấp về dân sự -

Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLPT- DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị S, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Anh Võ Văn C, sinh năm 1983 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã H1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền vào ngày 15/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S: Luật sư Lê Phi T1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: Võ Văn H2, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị Trúc L1, sinh năm 1972;

2. Võ Văn N, sinh năm 1991;

3. Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1996;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh N, chị D: Ông Võ Văn H2, sinh năm 1970 (Có mặt). Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền vào ngày 11/4/2017).

4. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1939 (Đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1:

- Bà Võ Thị H3, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp B, xã C2, huyện H3, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Võ Thị P, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn T2, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm D1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, bà P, bà T2: Ông Võ Văn H2, sinh năm 1970 (Có mặt). Theo các Văn bản ủy quyền vào ngày 17/7/2020.

- Ông Võ Văn H2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn H4, sinh năm 1972 (Đã chết ngày 11/02/2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hòa:

+ Bà Đặng Thị N1 (Vợ ông H4), sinh năm 1974;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga: Ông Võ Văn H2, sinh năm 1970 (Có mặt). Theo Văn bản ủy quyền vào ngày 13/7/2020.

+ Võ Thái K (Con ông H4).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Võ Thái H5, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt);

6. Võ Thái H6, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trần Thị Cẩm M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp H7, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Cẩm M: Ông Võ Văn H2, sinh năm 1970 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền vào ngày 13/7/2020).

8. Võ Trần Thảo N2, sinh năm 2016;

9. Võ Đăng Q, sinh năm 2006;

Người đại diện theo pháp luật của Thảo N2, Đăng Q: Có mẹ ruột là chị Trần Thị Cẩm M, sinh năm 1991 (Vắng mặt). Cùng địa chỉ: Ấp H7, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

10. Võ Văn H8, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

11. Võ Thanh S1, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T3, xã B1, huyện H3, tỉnh Đồng Tháp.

12. Võ Văn B2, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm S2, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

13. Võ Thị Kim V, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1953 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1939 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Bà Lê Thị S là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 10/02/2017 của bà Lê Thị S, Bản khai ngày 23/02/2017, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bà Lê Thị S, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà S trình bày:

Ông Võ Văn T5 (Đã chết năm 1975) và bà Trần Thị S3 (Đã chết năm 1968) là vợ chồng. Ông Võ Văn H9 là con ruột của ông T5 và bà S3.

Ông Võ Văn H9, sinh năm 1934 (Chết ngày 01/10/2007) và bà Lê Thị S là vợ chồng.

Vào khoảng năm 1968 – 1969, ông H9 và bà S được ông T5 cho quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư có tứ cận cụ thể:

Chiều ngang giáp lộ làng cạnh 08 mét.

Chiều ngang sau hậu cạnh 7.5 mét.

Chiều dài cạnh 50 mét.

Đất tọa lạc tại ấp 1, xã Thường Thới Hậu B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đầu năm 2016, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà S lên Bình Dương làm ăn kiếm sống. Căn nhà và diện tích đất của gia đình bà S trên đất tranh chấp được gọi lại cho người em dâu tên là Nguyễn Thị A1 trông coi dùm. Nhưng ông Võ Văn H2 là người sử dụng diện tích đất giáp ranh đã ngang nhiên lấn chiếm đất của bà S. Diện tích đất của bà S bị ông H2 lấn chiếm có chiều ngang trước là 08 mét, chiều ngang sau hậu là 7.5 mét, chiều dài một cạnh là 27.4 mét, chiều dài một cạnh là 29.5 mét.

Trên diện tích đất trước đây có một cái ao do ông Võ Văn T6 (Anh ruột của ông H9) đào từ năm 1976. Ông T6 đào ao nói trên để ương cá tra, đến năm 1978 bỏ hoang không có ai sử dụng. Cây trồng trên đất tranh chấp gồm: Tre do ông, bà của ông H9 trồng nhưng bà S không nhớ thời gian; Chuối do bà C1 trồng.

Bà S yêu cầu ông Võ Văn H2 di dời, tháo dỡ chuồng heo, cây trồng để trả lại cho bà diện tích đất qua đo đạc thực tế, diện tích là 203.4m² thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 04, cụ thể:

Chiều ngang một cạnh 7.5 mét.

Chiều ngang còn lại cạnh 8.1 mét.

Chiều dài một cạnh 26.6 mét.

Chiều dài cạnh còn lại 27.4 mét.

Đất tọa lạc tại ấp 1, xã Thường Thới Hậu B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, diện tích đất tranh chấp nói trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Theo Bản khai vào ngày 13/3/2017 và ngày 28/3/2018 của ông Võ Văn H2; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông H2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ ruột của ông Võ Văn T7.

Ông Võ Tấn Q1 là cậu họ của ông T7. Sau khi bà M1 chết, ông Q1 mang ông T7 về nuôi.

Ông Võ Văn T7 và bà Nguyễn Thị C1 là vợ chồng và cũng là cha mẹ ruột ông Võ Văn H2.

Ông T7 chết vào năm 1991. Bà C1 chết vào năm 2018.

Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Võ Tấn Q1 để lại cho ông T7 và bà C1 quản lý, sử dụng từ năm 1980. Sau đó, ông T7 và bà C1 cho ông H2 sử dụng ổn định như: Đào ao nuôi cá, trồng cây...trên diện tích đất có chiều ngang khoảng 18 mét, chiều dài 25 mét. Đất tranh chấp do bên ông H2 kê khai, đăng ký một lần nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp 1, xã Thường Thới Hậu B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ao trên đất tranh chấp do ông T7 đào để gia đình cùng nuôi cá. Đến năm 2002, gia đình ông H2 không còn nuôi cá và bỏ hoang cho đến nay. Toàn bộ cây trồng trên đất tranh chấp gồm: Tre, chuối...đều do gia đình ông H2 trồng và sử dụng.

Đến khoảng tháng 11/2016, ông H2 đã san lấp hầm để xây chuồng heo và đã xây vòng thành bao quanh. Khoảng 05-06 tháng sau, bà S đã phát sinh tranh chấp. Nay ông H2 không đồng ý tháo dỡ, di dời chuồng heo, cây trồng trên đất trả lại cho bà Lê Thị S diện tích đất qua đo đạc thực tế là 203.4m² bởi vì diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H2 sử dụng từ trước đến nay không có ai tranh chấp.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 04/2020/DS– ST, ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S yêu cầu ông Võ Văn H2 trả lại diện tích đất trồng cây lâu năm đo đạc thực tế 203,4m² thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 04, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Bà Lê Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn bà Lê Thị S phải chịu 1.719.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 30/01/2020, bà Lê Thị S là nguyên đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Bà Lê Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu ông Võ Văn H2 phải có trách nhiệm trả lại diện tích đất thổ cư 203.4m² mà ông H2 đã lấn chiếm của bà S.

- Ông Võ Văn H2 không đồng ý với nội dung do bà S trình bày và kháng cáo.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông Võ Văn T5 và ông Võ Tấn Q1 là anh em ruột.

Ông T5 là cha ruột của ông H9. Ông H9 là chồng của bà S.

Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ ruột của ông Võ Văn T7. Sau khi bà M1 chết, ông T7 được người cậu họ là ông Võ Tấn Q1 đem về nuôi vì ông Q1 không có vợ con. Ông T7 là cha ruột của ông H2.

- Bà S, có anh Chiến đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông, bà để lại cho cha chồng của bà S là ông Võ Văn T5. Ông T5 để lại cho ông H9 từ khoảng năm 1968 - 1969. Đến khoảng năm 1978, ông H9 và bà S mới trực tiếp sử dụng đất tranh chấp. Gia đình bà S đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp như: Đào ao ương cá, trồng cây...

- Ông H2 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông, bà để lại cho ông Võ Tấn Q1. Sau khi ông Q1 chết, tài sản và đất đai của ông Q1 đều do ông T7 thừa hưởng. Ông H2 được ông T7 cho sử dụng đất ổn định, không có ai tranh chấp.

Đất tranh chấp tọa lạc tại xã Thường Thới Hậu B (Nay là xã L), huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Việc sử dụng diện tích đất tranh chấp:

Theo Văn bản số 194/UBND-HC ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H Về việc cung cấp thông tin đã xác định “1. Thửa đất số 26, tờ bản đồ số: 04, đất tọa lạc tại xã Thường Thới Hậu B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp đang tranh chấp từ trước đến nay chưa có ai đăng ký quyền sử dụng đất.”.

- Bà S khởi kiện và cho rằng: Diện tích đất đang tranh chấp trước đây ông H9 cùng anh ruột là ông Võ Văn T6 đào ao ương cá từ năm 1975. Ương cá được 03 năm, đến mùa nước lũ năm 1978 – 1979 nên nuôi cá bị thua lỗ, ông H9 và ông T6 không nuôi nữa mà dùng ao chứa rác thải.

Bà S thừa nhận: Về nguồn gốc và việc sử dụng đất của bà S được bà con, tộc họ xác định. Nhưng gia đình bà S chỉ sử dụng đất đến năm 1979, sau đó diện tích đất bỏ trống, không ai sử dụng đến năm 2016.

Khoảng tháng 11/2016, ông H2 bơm cát san lấp ao và bố nền xung quanh. Gia đình bà S không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp.

- Ông H2 cũng trình bày: Cha ruột của ông H2 là người đào ao nuôi cá tra bột và trồng cây xung quanh đất....Cây trên đất tranh chấp hiện nay đều do gia đình ông H2 trồng. Ông H2 không thừa nhận việc sử dụng đất của gia đình bà S.

[4] Xét kháng cáo của bà Lê Thị S:

Bà Lê Thị S yêu cầu ông H2 có trách nhiệm trả cho bà diện tích đất 203.4m², mục đích sử dụng: đất thổ cư hiện nay ông H2 đã lấn chiếm.

Xét thấy: Bà S trình bày vợ chồng của bà được cha mẹ chồng cho diện tích đất tranh chấp 203.4m² từ năm 1968 – 1969 nhưng bà S không có giấy tờ, chứng cứ để chứng minh. Quá trình bà S và gia đình sử dụng đất, cũng như việc tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng chỉ có lời trình bày của bà S và người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A1 và bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Diện tích đất tranh chấp được ông, bà chia cho ông Võ Văn H9, là chồng của bà S. Việc chia đất của ông bà không có giấy tờ, không xác định diện tích đất cụ thể và ranh giới đất được cho.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị T4 cũng như những người làm chứng khác thể hiện tại hồ sơ đều là bà con, họ hàng và thân tộc của bên ông H9. Do đó, lời trình bày của người làm chứng cho bà S không khách quan, cũng không phù hợp với diễn biến và nội dung của vụ án nên không được xem là chứng cứ chứng minh.

Bà S không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh: Gia đình bà S đào ao ương cá, trồng cây...trên đất tranh chấp từ năm 1975 đến khoảng năm 1979. Từ năm 2016, theo thừa nhận của bà S: Diện tích đất tranh chấp do gia đình ông H2 sử dụng.

Bên cạnh đó, theo Đơn khởi kiện: Vào năm 2016, do kinh tế gia đình khó khăn nên bà S và các con đã đến Bình Dương làm ăn, sinh sống gửi nhà và đất lại cho bà Nguyễn Thị A1, là em dâu của bà S quản lý thay. Nhưng trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bà S đã xuất trình 01 Đơn xác nhận ngày 02/02/2017 của bà Nguyễn Thị A1 (Bản chính) cùng với việc bà Nguyễn Thị A1 có Bản khai vào ngày 14/6/2017 và tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng vào ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bà Nguyễn Thị A1: Bà A1 không có lời trình bày nào về việc quản lý nhà và đất thay cho gia đình bà S. Ngoài ra, bà A1 còn trình bày ông T5 cho ông H9 diện tích đất tranh chấp vào năm 1975, không phải vào năm 1968 – 1969 như trình bày của bà S.

Qua xem xét thực tế hiện nay: Diện tích đất tranh chấp do gia đình ông H2 đang sử dụng. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S là có căn cứ và phù hợp.

Từ nhận xét trên cho thấy: Bà Lê Thị S xác định, diện tích đất tranh chấp 203.4m² (Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện H: mục đích sử dụng đất tranh chấp: đất trồng cây lâu năm) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà nên bà S yêu cầu ông H2 tháo dỡ, di dời toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng trên đất để trả đất lại cho bà là không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, cách tuyên án của Tòa cấp sơ thẩm chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh cách tuyên án nói trên của Tòa cấp sơ thẩm cho phù hợp.

Do giữ bản án sơ thẩm nên bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị S là không phù hợp và không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết giữ nguyên bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S và sửa cách tuyên án của Tòa cấp sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 100, Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S yêu cầu ông Võ Văn H2 tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, cây trồng trên đất tranh chấp trả lại cho bà S diện tích đất đo đạc thực tế là $203.4m^2$ thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc tại ấp 1, xã B3 (Nay là xã L), huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế $203.4m^2$ trong phạm vi các mốc M1 – M2 – M3 – M5 – M1, cụ thể như sau:

- Chiều ngang trước giáp diện tích đất do bà S đang sử dụng được đo từ mốc M3 đến mốc M2, cạnh 8.1 mét.

Mốc M2 có các điểm gọi: Điểm gọi 1 đo đến góc mộ trước trên đất của Sen là 6.5 mét; Điểm gọi 2 đo đến góc mộ sau trên đất của Sen là 4.0 mét.

Mốc M3 có các điểm gọi: Điểm gọi 1 đo đến góc mộ trước trên đất của S là 6.0 mét; Điểm gọi 2 đo đến góc mộ sau trên đất của S là 5.0 mét.

- Chiều ngang sau giáp đất của bà Nguyễn Thị C1 được đo từ mốc M5 đến mốc M1, cạnh 7.5 mét.

Mốc M5 có các điểm gọi: Điểm gọi 1 đo đến góc bó nền trên đất tranh chấp là 14.3 mét; Điểm gọi 2 đo đến cây Cò Ke trên đất tranh chấp là 7.0 mét.

Mốc M1 có các điểm gọi: Điểm gọi 1 đo đến cây Cò Ke trên đất tranh chấp là 6.4 mét; Điểm gọi 2 đo đến cây Me Tây trên đất của bà Nguyễn Thị C1 là 0.5 mét.

- Chiều dài giáp đất của ông Võ Văn H2 được đo từ mốc M3 đến mốc M5, cạnh 27.6 mét.

- Chiều dài còn lại giáp đất của bà Võ Thị Phượng được đo từ mốc M2 đến mốc M1, cạnh 26.6 mét.

Hiện nay, diện tích đất tranh chấp do ông Võ Văn H2 đang quản lý và sử dụng.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện H và Sơ đồ xác định đo đạc diện tích phần đất tranh chấp của bà Lê Thị S và ông Võ Văn H2 ngày 03/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

2. Về án phí: Bà Lê Thị S được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 1.719.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng) bà S phải chịu. Chi phí 1.719.000 đồng bà S đã tạm ứng và chi xong.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp